

TỜ TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Phê duyệt báo cáo tài chính, phương án sử dụng lợi tức 2018 và kế hoạch kinh doanh 2019

- Căn cứ Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Tổng công ty cổ phần Tái bảo hiểm quốc gia Việt Nam;
- Căn cứ Nghị quyết số 04/2018/NQ-ĐHĐCĐ ngày 19/4/2018 của Đại hội đồng cổ đông Tổng công ty cổ phần Tái bảo hiểm quốc gia Việt Nam;
- Căn cứ báo cáo tài chính đã được kiểm toán 2018 của Tổng công ty cổ phần Tái bảo hiểm quốc gia Việt Nam;

Hội đồng quản trị Tổng công ty cổ phần Tái bảo hiểm quốc gia Việt Nam trình Đại hội đồng cổ đông thông qua các nội dung sau:

1. Phê duyệt báo cáo tài chính năm 2018 đã được kiểm toán bởi công ty TNHH Deloitte:

1.1. Phê duyệt báo cáo tài chính riêng năm 2018: Một số chỉ tiêu chính

- Tổng tài sản: 6.456.010.767.070 VND
- Vốn chủ sở hữu: 2.812.197.654.904 VND
- Dự phòng nghiệp vụ:
 - Dự phòng Nhượng TBH:* 1.661.557.380.832 VND
 - Dự phòng Nhận TBH:* 2.733.572.296.928 VND

Chỉ tiêu	Thực hiện 2017 VND	Thực hiện 2018 VND	KH 2018 VND	So sánh 2018/KH	So sánh 2018/17
1. Doanh thu phí nhận TBH	1.651.205.993.827	1.802.718.232.456	1.770.000.000.000		
- Doanh thu phí nhận không bao gồm hoạt động thí điểm BHNN	1.651.471.980.448	1.802.718.232.456	1.770.000.000.000	101,85 %	109,16%
- Doanh thu phí nhận hoạt động thí điểm BHNN	(265.986.621)	0			
2. Phí giữ lại	586.786.416.338	784.786.428.263	677.000.000.000		
- Phí giữ lại không bao gồm hoạt động thí điểm BHNN	586.893.214.249	784.741.146.563	677.000.000.000	115,91%	133,71%
- Phí giữ lại hoạt động thí điểm BHNN	(106.797.911)	45.281.700			

Chỉ tiêu	Thực hiện 2017 VND	Thực hiện 2018 VND	KH 2018 VND	So sánh 2018/KH	So sánh 2018/17
3. Lợi nhuận hoạt động đầu tư tài chính và hoạt động khác	233.042.254.147	260.249.437.033	254.000.000.000		
<i>Trong đó: Lợi nhuận từ chênh lệch tỷ giá (CLTG) không được phân phối</i>	<i>(1.559.226.438)</i>	<i>5.377.691.054</i>			
Lợi nhuận hoạt động đầu tư tài chính và hoạt động khác không bao gồm CLTG	234.601.480.585	254.871.745.979	254.000.000.000	100,34%	108,64%
4. Lợi nhuận trước thuế	285.289.787.631	315.679.806.761	308.000.000.000		
<i>Trong đó: Lợi nhuận từ CLTG không được phân phối</i>	<i>(1.559.226.438)</i>	<i>5.377.691.054</i>			
Lợi nhuận trước thuế không bao gồm lợi nhuận từ CLTG không được phân phối	286.849.014.069	310.302.115.707	308.000.000.000	100,75%	108,18%

(Báo cáo tài chính và Báo cáo kiểm toán 2018 đính kèm)

Tổng công ty đã hoàn thành kế hoạch kinh doanh được giao.

1.2. Phê duyệt báo cáo tài chính hợp nhất năm 2018: Một số chỉ tiêu chính :

- Tổng tài sản: 6.673.926.262.455 VND
- Vốn chủ sở hữu: 2.986.419.487.636 VND
- Dự phòng nghiệp vụ:

Dự phòng Nhượng TBH: 1.661.557.380.832 VND

Dự phòng Nhận TBH: 2.733.572.296.928 VND

(Báo cáo tài chính và Báo cáo kiểm toán 2018 đính kèm)

2. Phê duyệt phương án phân phối lợi tức năm 2018:

2.1 Các chỉ tiêu lợi nhuận thực hiện:

Chỉ tiêu lợi nhuận	Số tiền (VND)
Lợi nhuận còn lại tại ngày 1/1/2018	355.012.422.918

Chỉ tiêu lợi nhuận	Số tiền (VND)
- Lợi nhuận được phân phối	283.946.553.382
- Lợi nhuận không được phân phối (<i>chênh lệch tỷ giá</i>)	71.065.869.536
Lợi nhuận sau thuế thực hiện năm 2018	261.454.081.113
- Lợi nhuận được phân phối	256.076.390.059
- Lợi nhuận không được phân phối (<i>chênh lệch tỷ giá</i>)	5.377.691.054
Lợi nhuận sau thuế lũy kế 31/12/2018	616.466.504.031
- Lợi nhuận được phân phối	540.022.943.441
- Lợi nhuận không được phân phối (<i>chênh lệch tỷ giá</i>)	76.443.560.590

2.2 Phương án sử dụng lợi nhuận sau thuế 2018 trình Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn:

Phân phối lợi nhuận sau thuế 2018	Số tiền (VND)
Trích lập quỹ dự trữ bắt buộc (5% Lợi nhuận sau thuế hàng năm cho đến khi quỹ dự trữ bắt buộc bằng 10% Vốn điều lệ)	4.877.597.594
Trích lập Quỹ phát triển kinh doanh (2% Lợi nhuận sau thuế)	5.121.527.801
Quỹ khen thưởng (1,5% Lợi nhuận sau thuế)	3.841.145.851
Quỹ Phúc lợi Tổng Công ty (01 tháng lương thực hiện)	4.026.599.888
Chi trả cổ tức năm 2018 (tỷ lệ 12%)	157.291.124.400
Giảm lợi nhuận sau thuế phần tài sản thuế TNDN hoãn lại	421.202.827
Lợi nhuận còn lại	440.887.305.670
- Lợi nhuận được phân phối	364.443.745.080
- Lợi nhuận không được phân phối (<i>chênh lệch tỷ giá</i>)	76.443.560.590

❖ Phương án sử dụng lợi nhuận sau thuế liên quan đến việc trích lập các quỹ đã được ĐHĐCĐ chấp thuận tại Nghị quyết số 07/NQ-ĐHĐCĐ/2006 ngày 28/4/2006 và sửa đổi một số điểm theo Nghị quyết số 08/NQ-ĐHĐCĐ/2008 ngày 28/4/2008.

❖ Tỷ lệ cổ tức năm 2018 dự kiến 12% và đã được ĐHĐCĐ phê chuẩn tại Nghị quyết số 04/2018/NQ-ĐHĐCĐ ngày 19/4/2018. Tỷ lệ cổ tức 2018 trình ĐHĐCĐ thông qua là 12%.

2.3 Phê duyệt thù lao (bao gồm cả thuế) của HĐQT, BKS, tổ thư ký HĐQT năm 2018: 2.490.000.000 VND. (Mức chi đã được ĐHĐCĐ phê duyệt tại Nghị quyết số 06/2013/NQ-ĐHĐCĐ ngày 25/4/2013)

3. Phê duyệt kế hoạch kinh doanh năm 2019:

Đơn vị Tr. VND

Chỉ tiêu	Kế hoạch 2019	Thực hiện 2018	Tăng trưởng
Doanh thu phí nhận	1.967.000	1.802.718	9,1%
Phí giữ lại	944.600	784.741	20,4%
Lợi nhuận trước thuế	331.000	315.680	4,9%
- Chênh lệch tỷ giá (CLTG) không được phân phối	<i>(chưa xác định)</i>	5.378	
- Lợi nhuận không bao gồm CLTG không được phân phối	331.000	310.302	6,7%
Cổ tức dự kiến (*)	12%	12%	

(*) Nghị quyết 01/2017/HĐQT phê chuẩn chính sách chi trả cổ tức giai đoạn 2017 – 2020: sử dụng tối đa 55% lợi nhuận sau thuế hàng năm để chia cổ tức.

T/M HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Lê Song Lai